

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 207/2019/DS-ST

Ngày: 23- 10- /2019

V/v tranh chấp: “Hợp đồng
mua bán tài sản”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Đỗ Công Minh

2/ Ông Trần Văn Trang

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hạnh

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông: **Bà Trần Thị Ngọc Tuyền**,
kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 10 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử
sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 155/2019/ TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm
2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử
số 79/2019/QĐXX- DS ngày 30 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1/ **Phạm Văn S**, sinh năm 19xx, có mặt

2/ **Nguyễn Thị P**, sinh năm 19xx, có mặt

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: **Nguyễn Trọng T**, sinh năm 19xx, có mặt

Địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 7 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên
đơn ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị P trình bày: Ngày 20/5/2018 âm lịch, ông S và
bà P có bán cho anh T thức ăn chăn nuôi vịt, phân bón, thuốc, vật tư nông nghiệp tổng
cộng số tiền là 87.990.000 đồng. Anh T có trả 37.990.000 đồng, còn nợ số tiền
50.000.000 đồng. Tháng 12/2018 âm lịch, ông S và bà P tiếp tục bán cho anh T thức ăn

chăn nuôi vịt, phân bón, thuốc, vật tư nông nghiệp tổng cộng số tiền 114.690.000 đồng, anh T không có trả tiền. Tổng cộng số tiền nợ mua bán là 164.690.000 đồng. Khi mua bán có thỏa thuận là ông S và bà P giao hàng cho anh T đến khi anh T bán xong đợt vịt nào thì phải trả hết tiền mua hàng đợt đó. Anh T đã bán vịt 02 đợt nhưng không trả tiền. Ông S và bà P yêu cầu anh T phải trả số tiền nợ mua bán tổng cộng là 164.690.000 đồng, yêu cầu trả tiền 02 lần: Ngày 15/12/2019 trả số tiền 84.000.000 đồng, ngày 15/01/2020 trả số tiền 80.690.000 đồng, không yêu cầu lãi.

Trong quá trình xét xử bị đơn anh Nguyễn Trọng T trình bày: Thống nhất lời trình bày của ông S và bà P. Khi mua bán có thỏa thuận khi nào anh T bán vịt thì phải trả hết tiền mua hàng. Anh T đã bán vịt 02 đợt vào tháng 9/2018 âm lịch và tháng 3/2019 âm lịch. Nhưng số tiền bán vịt anh T đã trả vào khoản tiền vay khác nên không còn tiền để trả ông S và bà P. Anh T thống nhất số tiền nợ ông S và bà P là 164.690.000 đồng. Anh T yêu cầu được trả tiền mỗi năm là 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị căn cứ Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị P, buộc anh Nguyễn Trọng T có nghĩa vụ trả ông S và bà P số tiền mua bán tài sản còn nợ là 164.690.000 đồng, thời gian trả tiền 02 lần: Ngày 15/12/2019 trả số tiền 84.000.000 đồng, ngày 15/01/2020 trả số tiền 80.690.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc nộp đơn khởi kiện, thụ lý đơn và thẩm quyền giải quyết của Tòa án đúng quy định; Việc thu thập tài liệu chứng cứ; Thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị P. Tại phiên tòa anh T thừa nhận có mua tài sản của ông S và bà P, hiện còn nợ số tiền mua bán là 164.690.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử kết luận anh T còn nợ ông S và bà P số tiền mua bán tài sản là 164.690.000 đồng. Nên anh T phải có nghĩa vụ trả tiền cho ông S và bà P theo quy định tại Điều 430 và Điều 440 Bộ luật dân sự. Anh T yêu cầu thực hiện trả tiền mỗi năm 10.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, theo hợp đồng mua bán tài sản anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Nên cần buộc anh T phải có nghĩa vụ trả tiền theo thời gian ông S và bà P yêu cầu là phù hợp. Ông S và bà P không yêu cầu lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông S và bà P.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Yêu cầu của ông S và bà P được chấp nhận toàn bộ, nên anh T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 430, 440, 357 Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị P.

Buộc anh Nguyễn Trọng T có nghĩa vụ trả ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị P số tiền 164.690.000 (Một trăm sáu mươi bốn triệu, sáu trăm chín mươi ngàn) đồng. Thời gian thực hiện trả tiền như sau:

Ngày 15/12/2019 trả số tiền 84.000.000 đồng.

Ngày 15/01/2020 trả số tiền 80.690.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị P cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Nguyễn Trọng T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Trọng T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.234.500 đồng. Ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị P không phải chịu án phí sơ thẩm, được nhận lại số tiền 4.117.000 đồng theo biên lai số 46939 ngày 09/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện GCD
- Chi cục THA DS huyện GCD
- Các đương sự
- Lưu: HS, AV

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Đỗ Công Minh

Trần Văn Trang

Trần Văn Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Công Minh

Trần Văn Trang

Trần Văn Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Tâm

Nguyễn Tấn Đạt

Trần Văn Dũng

